

Bản án số: 497/2023/HC-PT

Ngày 03-7-2023

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc và ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai (Trực tuyến) vụ án hành chính thụ lý số: 895/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 125/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1462/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1959; Địa chỉ: A khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng L, Luật sư Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh L. Địa chỉ: Số E T, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Trương Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (Xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An là ông Trương Văn Đ – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện Nguyễn Hồng S, *trình bày*:

Nguồn gốc diện tích 16.223m², thuộc các thửa đất số 83, 84, 95, 96, 171 cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, là do trước năm 1990, bà Nguyễn Thị T1 và một người khác (lâu rồi nên không nhớ họ tên) ký “Khế ước” với Phòng T2 để sử dụng. Năm 1990 những người này chuyển nhượng lại cho ông S, sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt: giấy chứng nhận QSDĐ).

Nhà nước thu hồi diện tích đất nêu trên của ông S để thực hiện dự án tạo quỹ đất sạch 200ha, nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất của ông S theo luật định.

Ngày 19/6/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5381/QĐ-CT về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất nêu trên cho ông S. Ngày 31/6/2018 ông S đã nhận tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền là 763.588.000đ.

Do không được bồi thường về đất, nên ngày 22/3/2021 ông S làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ yêu cầu phải ban hành quyết định thu hồi đất và yêu cầu đền bù giá trị quyền sử dụng đất như đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bị thu hồi.

Ngày 10/12/2021, ông S nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 14774/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 14774/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông S.

Buộc UBND huyện Đ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 16.223m²; hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư.

Người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Diện tích 16.223m², thuộc các thửa đất số 83, 84, 95, 96, 171 cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, của ông S, có nguồn gốc: Ngày 03 tháng 3 năm 1989 UBND tỉnh L ban Quyết định số 387/QĐ.UB.89 Về việc giao Nông trường quốc doanh Hiệp Hòa cho UBND huyện Đ quản lý; Ngày 01 tháng 4 năm 1989, Ban thường vụ Huyện Ủy Đức Hòa đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ TV giải thể Nông trường mía Hiệp Hòa giao toàn bộ tài sản cho UBND huyện Đ quản lý. Cũng trong năm 1989 Phòng Tài chính huyện T2 đại diện ký “Khế ước” giao quyền sử dụng đất thuộc khu vực Nông trường mía Hiệp Hòa cho các hộ dân, trong đó có diện tích 16.223m² cho hộ bà Nguyễn Thị T1 và một số hộ khác. Năm 1990 ông S nhận chuyển

nhượng lại của những người này và sử dụng đến nay. Đối chiếu với bản đồ địa chính cũ (bản đồ 299) thể hiện 16.223m², thuộc các thửa số 83, 84, 95, 96, 171 cùng tờ bản đồ số 5 của gia đình ông S là nằm trong diện tích đất của Nông trường mía Hiệp Hòa cũ.

Ngày 08/6/2018, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Nông trường mía Hiệp H1 (Trong đó có diện tích đất của gia đình ông S) để tạo quỹ đất sạch.

Ngày 19/6/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5381/QĐ-CT về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất nêu trên cho ông S. Ngày 31/6/2018 ông S đã nhận tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền là 763.588.000đ.

Do không được bồi thường về đất, nên ngày 22/3/2021 ông S làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ yêu cầu phải ban hành quyết định thu hồi đất và yêu cầu đền bù giá trị quyền sử dụng đất như đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bị thu hồi.

Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 14774/QĐ-CT, bác toàn bộ khiếu nại của ông S.

Do đất của ông S là đất công do Nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó cũng không đủ điều kiện để được bồi thường về đất, hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư. Nên Chủ tịch và UBND huyện Đ như trên là phù hợp pháp luật, nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 125/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng S về việc yêu cầu:

Hủy Quyết định số 14774/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 16.223m² thuộc các thửa 83, 84, 95, 96, 171 cùng tờ bản đồ số 5 và những tài sản khác trên đất đúng qui định, chi phí tôn tạo và các tài sản khác như chi phí ổn định cuộc sống, chi phí di dời, chi phí chuyển đổi ngành nghề, tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo đề ngày 22/9/2022 của ông Nguyễn Hồng S, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Diện tích đất 16.223m² của ông S có nguồn gốc: Năm 1989 bà Nguyễn Thị T1 và của một người khác được nhà nước ký “Khế ước” giao đất cho sử dụng, “Khế ước” này được xem như một quyết định giao đất. Năm 1990, ông S nhận chuyển nhượng lại và sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp. Do đó, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để được bồi thường về đất và được hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Diện tích đất 16.223m², do ông S nhận chuyển nhượng đất trái pháp luật, vì đây là đất công do Nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó cũng không đủ điều kiện để được bồi thường về đất, hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Diện tích đất ông Sơn đang khởi kiện có nguồn gốc của Nhà nước. Năm 1989, Phòng T2 ký “Khế ước” cho người khác thuê, sau đó ông S nhận chuyển nhượng lại. Do đó, khi có quy hoạch dự án tạo quỹ đất sạch 200ha UBND huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi đất của ông S, không bồi thường về đất và không hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư, mà chỉ hỗ trợ về tài sản trên đất cho ông S là phù hợp với các quy định của Luật đất đai. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hồng S là trong hạn và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2]. Xét, các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của người khởi kiện và người bị kiện có trong hồ sơ vụ án đều xác định về diện tích đất 16.223m² thuộc các thửa 83, 84, 95, 96, 171, có nguồn gốc, trước năm 1989 là của Nông trường mía H. Sau khi Nông trường mía Hiệp Hòa giải thể thì toàn bộ tài sản của Nông trường mía H đều giao lại cho UBND huyện Đ quản lý. Hộ bà Nguyễn Thị T1 và một số hộ khác là những người được Phòng Tài chính của huyện Đ ký “Khế ước” giao cho sử dụng. Năm 1990, ông S là người nhận chuyển nhượng lại diện tích đất nêu trên sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 2 Điều 79 của Luật tố tụng hành

chính, lời thừa nhận nêu trên của các đương sự là sự thật không phải chứng minh.

** Xét tính hợp pháp của việc UBND huyện Đ không bồi thường về đất, không hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư:*

[3]. Ngày 03 tháng 3 năm 1989 UBND tỉnh L đã ban Quyết định số 387/QĐ.UB.89 Về việc giao Nông trường quốc doanh Hiệp Hòa cho UBND huyện Đ quản lý. Đến ngày 01 tháng 4 năm 1989, Ban thường vụ Huyện Ủy Đức Hòa đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ TV giải thể Nông trường mía Hiệp Hòa giao toàn bộ tài sản cho UBND huyện Đ quản lý. Sau đó, cũng trong năm 1989 Phòng Tài chính huyện T2 đại diện ký “Khế ước” giao quyền sử dụng đất cho một số hộ dân để sản xuất nông nghiệp, có thời hạn và có thu tiền hàng năm, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T1 và một số hộ khác là những người ký “Khế ước” với Phòng Tài chính huyện T2, thời hạn giao khoán ghi trong “Khế ước” là 07 năm (tính từ tháng 6/1989 đến tháng 6/1996). Năm 1990, ông S là người nhận chuyển nhượng lại diện tích đất nêu trên và tiếp tục sử dụng đến nay. Như vậy, khế ước nêu trên là hợp đồng Nhà nước ký cho người dân thuê đất, có thu tiền sử dụng hàng năm, phù hợp với Luật đất đai. Mặc dù, ông S quản lý, sử dụng liên tục từ năm 1990 đến nay nhưng đất vẫn thuộc quyền quản lý và sở hữu của Nhà nước. Căn cứ Khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 20 và Điều 22 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 67 và khoản 4 Điều 82 của Luật đất đai năm 2013, việc UBND huyện Đ không ban hành Quyết định thu hồi đất của gia đình ông S; không bồi thường về đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp, cấp đất tái định cư mà chỉ hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền 763.588.000đ là phù hợp pháp luật, đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông S.

** Xét tính hợp pháp của Quyết định số 14774/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại :*

[4]. Do diện tích đất của ông S là của Nhà nước quản lý nên ngày 06/6/2016, UBND tỉnh L có Văn bản số 1999/UBND-KT về việc chủ trương lập quy hoạch và bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Tạo quỹ đất sạch tại thị trấn H; Ngày 26/6/2016, UBND tỉnh L có Văn bản số 2834/UBND-KT về việc điều chỉnh chủ trương lập quy hoạch và bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Tạo quỹ đất sạch tại thị trấn H; Ngày 06/7/2017, UBND huyện Đ có Thông báo số 4157/TB- UBND về việc triển khai kiểm đếm đất, nhà và tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng của dự án Tạo quỹ đất sạch tại thị trấn H; Cùng ngày 06/7/2017, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5950/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thu hồi đất, kiểm đếm đất, tài sản trên đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án; Ngày 08/6/2018, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Nông trường mía Hiệp H1 tại thị trấn H giao Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh. Căn cứ vào các văn bản nêu trên ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 14774/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại, bác đơn khiếu

nại của ông S là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại các Điều: 7, 8, 9, 18, 30, 31 của Luật giải quyết khiếu nại.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Văn T là người được ông S ủy quyền cho rằng: một số hộ có đất xung quanh thửa đất của ông S, cũng ký khế ước với Phòng Tài chính Huyện nhưng vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất vẫn được bồi thường về đất, hỗ trợ các chi phí: di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và được cấp đất tái định cư. Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện Đ, tỉnh Long An kiểm tra, rà soát đối với các trường hợp như ông T trình bày. Nếu có việc bồi thường, hỗ trợ chi trả trái pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[6]. Từ những căn cứ trên, Tòa án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồng S không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, cho rằng “Khế ước” được xem như một quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông S là người cao tuổi nên được miễn phí hành chính phúc thẩm.

[10]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 241; Điều 242 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồng S.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 125/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều: 7, 8, 9, 18, 30, 31 của Luật giải quyết khiếu nại; Khoản 1 Điều 76, khoản 1 và khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013; Khoản 4, Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số: 09/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018

của UBND tỉnh L về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng S về việc:

Yêu cầu hủy Quyết định số 14774/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 16.223m² thuộc các thửa 83, 84, 95, 96, 171 cùng tờ bản đồ số 5 và những tài sản khác trên đất đúng qui định, chi phí tôn tạo và các tài sản khác như chi phí ổn định cuộc sống, chi phí di dời, chi phí chuyển đổi ngành nghề, tái định cư.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Hồng S được miễn.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương